

Bản án số: 84/2021/HS-ST

Ngày 23-11-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Bằng và bà Bùi Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T Trang - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thơm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 82/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Bạch Thị T, sinh ngày 23 tháng 12 năm 1974, tại: Thôn C, xã N, huyện V, Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn C, xã N, huyện V, Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; chức vụ Đảng, đoàn thể: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bạch Văn B và bà Phan Thị C; có chồng là Lê Văn T và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/7/2021 đến ngày 04/8/2021, hiện tại ngoại, “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17h15phút ngày 29/7/2021, khi Bạch Thị T đang ngồi tại Ki ốt Chợ Tộc xã N, Vĩnh Phúc thì có anh Nguyễn Văn L đến ngồi chơi uống nước với T, một lúc sau có Nguyễn Văn H đi đến hỏi mua số lô, số đề T đồng ý thì H mua các số lô: 50, 68, 86 mỗi số 50 điểm, tổng là 150 điểm lô; các số đề 68, 86 mỗi số 100.000đ tổng là 200.000đ tiền đề. T tính giá tiền một điểm lô là 22.000đ, tiền đề T chiết khấu cho 20% tổng số tiền mua, tổng cộng H mua 150 điểm lô và 200.000đ tiền đề, tính thành tiền H phải trả cho T là 3.460.000đ. T viết các số lô, số đề và số điểm lô, tiền đề mà H mua vào một tờ giấy nhỏ cắt từ giấy A4 (cáp lô, đề) ở trên nghi “20/6” nghĩa là ngày 20/6/2021 âm lịch, tức

ngày 29/7/2021 dương lịch rồi đưa cho H làm căn cứ, đồng thời T cũng viết lại các số lô, số đề và số điểm lô, tiền đề này vào một tờ giấy A3 chuẩn bị trước, được chia ô đánh dấu từ 00 đến 99 ở cả hai mặt, một mặt T theo dõi các số lô, một mặt theo dõi các số đề. Sau khi H nhận cấp lô, đề do T đưa thì H lấy đủ 3.460.000đ trả cho T, T cầm tiền ở tay thì lúc này Trần Văn B, sinh năm 1979 ở thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc đi đến gặp T, hỏi mua số lô số đề, T đồng ý thì B mua các số lô: 05, 50 mỗi số 40 điểm, tổng là 80 điểm và các số đề 16, 61 mỗi số 50.000đ tổng là 100.000đ tiền đề, giá bán số lô và tiền đề mà T bán cho B cũng giống như H. B mua hết tổng số tiền 1.840.000đ, T viết các số lô, số đề và số điểm lô, tiền đề mà B mua vào tờ giấy nhỏ cắt từ tờ giấy A4 (cấp lô, đề) và ghi vào tờ giấy A3 của mình để theo dõi, giống như đối với H, T đưa tờ cấp lô, đề cho B, sau khi nhận cấp lô, đề B lấy đủ 1.840.000đ trả cho T, T nhận tiền và cầm ở tay cùng với số tiền H trả. Ngay lúc này Cơ quan Công an vào kiểm tra bắt quả tang.

Vật chứng T giữ gồm: T trên tay Bạch Thị T số tiền 5.300.000đồng; T trên bàn chỗ T ngồi ghi số lô, số đề: 01 chiếc kéo, 01 chiếc bút bi, 01 tờ giấy A3, hai mặt có in sẵn chữ số từ 00 đến 99; T trên người Nguyễn Văn H 01 tờ cấp lô, đề; T trên người Trần Văn B 01 tờ cấp lô, đề.

Đối với số tiền 5.300.000đ T trên tay Bạch Thị T là tiền các đối tượng dùng để đánh bạc;

Đối với 01 chiếc kéo, 01 chiếc bút bi quá trình điều tra xác định T sử dụng vào mục đích ghi, bán các số lô, số đề trái phép;

Đối với 02 tờ cấp lô, đề T trên người Nguyễn Văn H và Trần Văn B; 01 tờ giấy A3, hai mặt có in sẵn chữ số từ 00 đến 99 quá trình điều tra xác định đây đều là những vật chứng liên quan đến việc T đánh bạc chuyên theo hồ sơ vụ án.

Đối với Nguyễn Văn H khi bị phát hiện tự khai trú tại xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, Cơ quan điều tra tiến hành xác minh tại xã Đạo Trù xác định không có trường hợp nào có tên, tuổi, lý lịch như đối tượng khai. Đối với Trần Văn B khi bị phát hiện tự khai trú tại thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, Cơ quan điều tra xác minh tại thị trấn Đ xác định không có trường hợp nào có tên, tuổi, lý lịch như đối tượng khai. Do vậy chưa đủ căn cứ xử lý hành chính về hành vi Đánh bạc đối với H và B, khi nào xác định được đối tượng sẽ xử lý sau.

Tại Cáo trạng số 79/VKS-P2 ngày 19 tháng 10 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Bạch Thị T về tội “Đánh bạc” quy định khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1, Khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51; Khoản 1,2,5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị

cáo T từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo; ấn định thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị phạt T từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ, đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên có cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ 15 phút ngày 29/7/2021, tại ki ốt số chợ Chục xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, Công an tỉnh Vĩnh Phúc phát hiện, bắt quả tang T đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức bán số lô, số đề trái phép cho các đối tượng, cụ thể như sau: Bán cho Nguyễn Văn H 3.460.000đồng; bán cho Trần Văn B 1.840.000đồng. Tổng số tiền T bán số lô, số đề trái phép cho H và B là 5.300.000đồng. Tang vật T giữ gồm: Số tiền 5.300.000đồng, 02 cặp lô đề, 01 chiếc bút bi; 01 chiếc kéo và 01 tờ giấy A3, hai mặt có in sẵn chữ số từ 00 đến 99.

[3]. Hành vi nêu trên của Bạch Thị T đã phạm vào tội “Đánh bạc”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự quy định: *“Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được Ta bằng tiền...có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới năm mươi triệu đồng..., thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.*

[4] Xét tính chất vụ án tuy là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự an toàn công cộng được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phạt bị cáo mức hình phạt tù tương xứng với hành vi của bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Xét nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 và 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là bị cáo phạm tội lần đầu và Tộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; thực sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo có bố mẹ đẻ và bố chồng là người có công với nước, bố đẻ là ông Bạch Văn B được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất, mẹ đẻ là bà Phan Thị C được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì và bố chồng là ông Lê Văn S là liệt sỹ và được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba và Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng Ba. Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu Tộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ và không phải chịu tình tiết tăng nặng nào, bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện để cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng Khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự cần phạt bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ là phù hợp.

[7]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt chính và hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đối với đối tượng khi bắt quả tang tự khai tên là Nguyễn Văn H, sinh năm 1988; trú tại: xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc và Trần Văn B, sinh năm 1979, trú tại: thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc là người mua của T các số lô, số đề trái phép với tổng tiền mua số lô, số đề là 5.300.000 đồng. Sau khi Cơ quan điều tra cho H và B về nhà thì không triệu tập được H và B đến làm việc. Cơ quan điều tra đã làm việc, tiến hành xác minh tại xã Đạo Trù và thị trấn Đ, huyện T nhưng không xác định được người có nhân thân, lai lịch như H và B đã khai. Do vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

[9] Về vật chứng của vụ án:

[9.1] Đối với số tiền 5.300.000 đồng T giữ của Bạch Thị T, quá trình điều tra xác định số tiền này do T bán các số lô, số đề trái phép mà có nên tịch T sung vào ngân sách nhà nước.

[9.2] Đối với các cặp ghi số lô, đề; 01 tờ giấy A3 hai mặt có in sẵn chữ số từ 00 đến 99 đã bị T giữ khi bắt quả tang quá trình điều tra xác định đây đều là những vật chứng liên quan trực tiếp đến hành vi đánh bạc của T cùng các đối tượng trên, đã được niêm phong và lưu hồ sơ vụ án theo quy định.

[9.3] Đối với 01 chiếc bút bi, 01 chiếc kéo đã bị T giữ khi bắt quả tang, quá trình điều tra xác định những đồ vật này đã và sẽ được T sử dụng vào việc ghi, bán các số lô, đề trái phép, không còn giá trị sử dụng cần tịch T, tiêu hủy theo quy định.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Bạch Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Bạch Thị T phạm tội "Đánh bạc".

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; khoản 1,2,5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Bạch Thị T 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bạch Thị T cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng Khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự: Phạt bị cáo Bạch Thị T số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng chẵn) sung ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch T sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 5.300.000 đồng (Năm triệu ba trăm nghìn đồng chẵn).

- Tịch T, tiêu hủy 01 chiếc kéo, 01 chiếc bút bi.

(Vật chứng có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc lập ngày 02 tháng 11 năm 2021).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Bạch Thị T phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- CQĐT - CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- CQCSTHAHS - CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND xã N, huyện V;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Bích Ngọc